

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỤ BẢN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2024

V/v: “Ly hôn giữa chị L, anh T”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Trường Nam.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-8-2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký cư trú tại: Thôn Đồng Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay : Thôn Phú Vinh, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn : Anh Trần Quốc T ; sinh năm 1994;

Cư trú tại: Thôn Đồng Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Ông Trần Văn Tân, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đồng Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt có lý do; anh T và ông Tân vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản vào ngày 23-01-2015. Sau ngày kết hôn chị và anh T sống hòa thuận hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay cãi chửi nhau và hạnh phúc gia đình không còn. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 6-2021 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng; từ thời điểm sống ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị và anh T 02 con chung là các cháu Trần Bảo Duy K, sinh ngày 08-4-2015 và Trần Bảo QA, sinh ngày 15-5-2017. Ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi cả 02 con; nếu anh T thỏa thuận với chị về việc nuôi con thì chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu K, chị sẽ nuôi cháu Anh. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì nên chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho chị nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập trung bình là 15.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để nuôi các con.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh Trần Quốc T đến làm việc và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, toà án không tiến hành hoà giải được.

\* Tại biên bản làm việc ngày 10-7-2024, ông Trần Văn Tân là bác ruột của anh T trình bày: Anh T và chị L đã sống ly thân, hiện nay anh T đi làm ở xa, thỉnh thoảng mới trở về gia đình; chị L đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Các con của anh T và chị L có hai cháu, cháu Trần Duy Bảo K sống cùng bố và ông bà nội; cháu là Trần Bảo QA sống cùng mẹ ở nhà ông bà ngoại, nghỉ hè chị L đón cháu K về ở cùng.

\* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 10-7-2024, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Chị L và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản vào ngày 23-01-2015; anh T đi làm ăn ở nơi khác thỉnh thoảng vẫn về nhà ở thôn Đổng Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn Đổng Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Quốc T.

+ Về con chung: Giao cả 02 con là Trần Bảo Duy K, sinh ngày 08-4-2015 và Trần Bảo QA, sinh ngày 15-5-2017 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi các con cùng chị L.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đông Đất, xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Trần Quốc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định ngày 23-01-2015, như vậy hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ tháng 6-2021 đến nay. Như vậy, trong thời gian vợ chồng chung sống chị L, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau,

không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là các cháu Trần Bảo Duy K, sinh ngày 08-4-2015 và Trần Bảo QA, sinh ngày 15-5-2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc; không có ý kiến về việc nuôi các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, chị L có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định; các con đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ; chị L có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Vì vậy, giao cháu K và cháu Anh cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của đương sự, nguyện vọng của các bên cũng như quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị L xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Bảo Duy K, sinh ngày 08-4-2015 và Trần Bảo QA, sinh ngày 15-5-2017 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị Đỗ Thị L.

Anh Trần Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Đỗ Thị L.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000853 ngày 06-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản được đối trừ (Chị L đã nộp xong ).

4. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L và anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Vụ Bản;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- UBND xã Minh Thuận;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Trường Nam**